

Số: 323 /BC-CĐSPBN

Bắc Ninh, ngày 03. tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy chế công khai trong hoạt động của Cơ sở Mầm non Hoa Phượng, năm học 2023 - 2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kết quả thực hiện Quy chế công khai, Cơ sở Mầm non Hoa Phượng – Trường CĐSP Bắc Ninh báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai năm học 2023 - 2024 như sau:

CSMN Hoa Phượng đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Cụ thể:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các linh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở CSMN Hoa Phượng (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thực tế: công khai số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em nhóm, lớp ghép; số trẻ em học một hoặc hai buổi/ngày, số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch duy trì trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian. (Chưa thực hiện)

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. (Chưa thực hiện)

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường



a) Cơ sở vật chất:

Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định, số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 04).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

a) Công khai tình hình tài chính của cơ sở

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ qui định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 02/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc quy định mức học phí và hỗ trợ kinh phí đóng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc hệ thống quốc dân từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 2288/UBND-VX ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh và công văn số 1091/LS-GDĐT-TC ngày 30/8/2016 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo, tài chính về hướng dẫn thu và sử dụng các khoản thu thỏa thuận, tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, GDTX công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Thực hiện công khai các khoản tiền có nguồn từ ngân sách nhà nước và các khoản tiền có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

b) Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Công khai các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình

quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) **Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm** về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

e) **Công khai kết quả kiểm toán** (nếu có)

4. Về đánh giá kết quả công khai

CSMN Hoa Phượng đã thực hiện đúng Quy chế công khai đảm bảo minh bạch, dân chủ, không để xảy ra khiếu kiện trong năm học 2023 - 2024.

Phát huy được quyền dân chủ trong đơn vị.

Tập thể CBGVNV trong đơn vị và cha mẹ trẻ đều có ý thức tham gia thực hiện công tác kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao chất lượng công khai và hoạt động chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ tại cơ sở (thực hiện công tác bán trú, công tác y tế trường học, công tác đảm bảo an toàn và phòng chống tai nạn thương tích, trật tự an toàn giao thông).

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023 - 2024 của CSMN Hoa Phượng.

Noi nhận:

- Hiệu trưởng (b/c);
- Website;
- CBGVNV, PH;
- Công khai phòng HD CSMN;
- Lưu VT, CSMNHP.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Chuân



Biểu mẫu 01

(Kèm theo Báo cáo số: 323./BC-CDSPBN ngày...03...tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường CDSP Bắc Ninh)

SỞ GD&ĐT BẮC NINH TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	<ul style="list-style-type: none">- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.- Ngủ 1 giấc buổi trưa.- Biết đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.- Thể chất: Mức độ đạt 100 %- Tình cảm- xã hội: Mức độ đạt 100 %- Nhận thức: Mức độ đạt 78,90 %- Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 94,70 %	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.- Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn và thức uống.- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)- Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.- Thể chất : Mức độ đạt 90 %- Tình cảm-xã hội: Mức độ đạt 95 %- Nhận thức: Mức độ đạt 95 %- Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 95%- Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 95%

II	<p>Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện</p> <p>Các nội dung khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung và các chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> + Bé đi nhà trẻ + Gia đình thân yêu của bé + Những con vật đáng yêu + Thế giới thực vật + Bé với phương tiện giao thông + Mùa hè <p>Nhà trẻ dạy theo kỹ năng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng nghe - Kỹ năng cảm nhận - Kỹ năng xâu - Kỹ năng vò - Kỹ năng quan sát - Kỹ năng phân biệt kích thước - Kỹ năng phân biệt hình dạng, màu sắc <p>* Hướng ứng các Lễ hội – Các sự kiện phát sinh trong năm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức. - Phát triển ngôn ngữ. - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. <p>Các nội dung khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung và các chủ đề giáo dục: <ul style="list-style-type: none"> - Trường Mầm non - Bản thân, vui tết trung thu - Gia đình của bé - Nghề nghiệp. - Thế giới động vật - Thế giới thực vật - Phương tiện và luật giao thông <p>- Nước, hiện tượng thiên nhiên</p> <p>- Bác Hồ-Quê hương Bắc Ninh</p> <p>- Trường Tiểu học</p> <p>- Tết Trung Thu</p> <p>- Ngày hội yêu thương 20/10</p> <p>- Ngày 20/11</p> <p>- Ngày QĐNDVN 22/12</p> <p>- Ngày 8/3</p> <p>- Giỗ Tổ Hùng Vương</p> <p>Kết quả trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển của năm học</p> <p>- Thể chất: Mức độ đạt 85,7 %</p> <p>- Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 85,7 %</p> <p>- Nhận thức: Mức độ đạt 85,7 %</p> <p>- Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 85,7 %</p> <p>- Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 85,7 %</p> <p>(Có 1 trẻ không đạt: Nguyễn Phương Chi lớp 5 - 6T học giáo dục hòa nhập)</p>
----	--	---

			Các lớp học năng khiếu: Múa, võ, mĩ thuật, Aerobic, Trẻ làm quen với Tiếng Anh (3 lớp)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tránh 1 số vật dụng và nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. - Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. - Làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh) - Thể chất: Mức độ đạt 100 % - Tình cảm- xã hội: Mức độ đạt 100 % - Nhận thức: Mức độ đạt 78,90 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 94,70 % 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng cá nhân đúng cách. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Thể chất : Mức độ đạt 90 % - Tình cảm–xã hội: Mức độ đạt 95 % - Nhận thức: Mức độ đạt 95 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 95% - Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sinh hoạt: đảm bảo 1,5 – 1,8 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sinh hoạt: đảm bảo 1,5 – 1,8 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép

	<p>hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Khu vực ngủ: đảm bảo 1,2 – 1,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,4 – 0,6 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, ghế ngồi bô. 	<p>sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Khu vực ngủ: đảm bảo 1,2 – 1,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,4 – 0,6 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, chỗ đi tiểu và bệ xí (Tuy nhiên chưa có bồn treo cho bé trai).
--	--	---

Bắc Ninh, ngày 03. tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Chuân

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Báo cáo số: 323.../BC-CDSPBN ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh)

**SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH**

**THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024**

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	59			19	15	18	7
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày							
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	59			19	15	18	7
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	59			19	15	18	7
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	59			19	15	18	7
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	54			19	14	15	6
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	5				1	3	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	57			19	14	18	6
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2			0	1	0	1
8	Số trẻ thừa cân béo phì	0			0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
a	Chương trình giáo dục nhà trẻ	19			19			
b	Chương trình giáo dục mẫu giáo	40				15	18	7

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 6 năm 2024

KẾT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
SỞ GIÁO DỤC & THƯƠNG MẠI
Nguyễn Thanh Chuân

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Báo cáo số: 323./BC-CDSPBN ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh)

SỞ GD&ĐT BẮC NINH TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	04	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	04	2,2m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhở		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)		2.150 m2
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)		1200 m2
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		70 m2
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		Không có phòng ngủ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		12m2
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		400 m2
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		Không có phòng giáo dục thể chất
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		Không có phòng đa chức năng
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)		300 m2
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	4	Số bộ/ sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	9 (máy vi tính: 3, tivi thông minh: 6)	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	6	

2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	1	
3	Máy phô tô	0	
5	Catsset	0	
6	HDMI	6	
7	Thiết bị khác		
9	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn: 60, Ghế: 150	

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m^2)			
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2 /trẻ em
			Chung	Nam/Nữ	Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		4	0,48 m^2 /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDDT ngày 07/4/2008 của Bộ GD&ĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu.)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Chuân

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Báo cáo số: 323./BC-CDSPBN ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh)

**SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng	Trình độ đào tạo						Ghi chú	
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN		
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	17				3	9	4	1	0	
I	Giáo viên	8		8			4	4	0	0	
II	Cán bộ quản lý	2			2	0					
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	1	1			1					
III	Nhân viên	7									
1	Nhân viên văn thư	1		1			1				Kiêm nhiệm
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				Kiêm nhiệm
3	Thủ quỹ	1	1				1				Kiêm nhiệm
4	Nhân viên y tế	1	1						1		
5	Nhân viên thư viện	1		1			1				Kiêm nhiệm
6	Nhân viên khác	2		2			2				Bảo vệ, cấp dưỡng
...										

Tổng số CB – GV – CNV năm học 2023-2024: 17 người (trong đó 4 nhân viên kiêm nhiệm, của Trường CĐSP Bắc Ninh)

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 6 năm 2024

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Chuân

